



Acid Folic

Chuẩn bị trước mang thai



DHA

Omega 3 Vitamin

Khoáng chất

Khoẻ cho mẹ - Tốt cho bé



DHA

Omega 3

Bổ sung vitamin, khoáng chất khi cho con bú

Chỉ định: Chỉ định: Bổ sung đa vitamin/đa khoáng chất và chứa axit béo omega-3 được chỉ định cho phụ nữ độ tuổi sinh đẻ dự định có thai, đang có thai, hoặc đang cho con bú khi chế độ ăn không đầy đủ. Thuốc đáp ứng nhu cầu tăng cao về các vitamin, muối khoáng, yếu tố vi lượng và DHA cho người phụ nữ ở các giai đoạn này để phòng ngừa bệnh lý ống thần kinh ở thai, và để phòng ngừa thiếu máu do thiếu sắt và axit folic trong thời kỳ mang thai.

Thành phần: Beta-carotene: 2mg; Vitamin B1: 1,4mg; Vitamin B2: 1,4mg; Vitamin B6: 1,9mg; Vitamin B12: 2,6mcg; Vitamin C: 85mg; Vitamin D3: 200IU; Vitamin E: 15mg; Axit folic: 600mcg; Biotin: 30mcg; Nicotinamide: 18mg; Crom: 30mcg; Đồng: 1mg; Sắt: 14mg; Iốt: 150mcg; Molybden: 50mcg; Selen: 50mcg; Kẽm: 11mg; Magie: 10mg; Omega-3-axit triglycerides: 300mg-chứa 50% DHA; 150mg. **Liều lượng và cách dùng:** Phụ nữ có thai và cho con bú, phụ nữ dự định có thai — 1 viên nang mềm mỗi ngày vào buổi sáng cùng với thức ăn hoặc nước uống. Nên uống thuốc vào bữa ăn. Thành phần sắt trong thuốc có thể gây buồn nôn hoặc buồn nếu uống thuốc lúc đói. Điều này có thể gây buồn nôn và nôn nặng thêm do thai nghén. Trong trường hợp ốm nghén, có thể uống thuốc vào buổi trưa hoặc buổi tối. **Chống chỉ định:** Không dùng đồng thời với các chế phẩm chứa vitamin D, quá liều vitamin D, quá liều vitamin D, suy thận, quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc; Bệnh nhân có tiền sử dị ứng với dầu tương hoặc lạc; tăng canxi máu, tăng canxi niệu, sỏi canxi thận, thiếu máu hồng cầu to; Rối loạn chuyển hóa sắt; cường giáp; Bệnh di truyền hiếm gặp không dung nạp với tá dược của thuốc. **Cảnh báo và thận trọng:** Không dùng quá liều hàng ngày do liều cao một số vitamin, khoáng chất, yếu tố vi lượng có thể gây tác dụng phụ nhất là khi dùng trong thời gian dài. Phòng quá liều vitamin D3 (xem <thai kỳ và cho con bú>).

Lượng lớn (>4g/ngày) acid béo omega-3 làm tăng thời gian máu chảy, giảm kết tập tiểu cầu, giảm độ nhớt máu và fibrinogen. Không thay đổi yếu tố đông máu trong một thử nghiệm về dung nạp thuốc. Thuốc chứa 5 mg lactose/1 viên. Bệnh nhân với bệnh di truyền hiếm gặp không dung nạp galactose không nên dùng thuốc này. **Bổ sung 20 mg beta-carotene/ngày (10 viên/ngày)** trong thời gian dài (24 tháng) gây tăng nguy cơ ung thư phổi ở người nghiện thuốc lá nặng (≥ 20 điếu/ngày). **Tương tác:** đã biết có tương tác giữa sắt với kháng sinh nhóm tetracycline. Sử dụng đồng thời với các chế phẩm chứa sắt (>40 mg/ ngày, tương đương > 1 viên nang) và các kháng sinh nhóm tetracycline có thể gây giảm hấp thu mỗi thuốc. Do đó, nên tránh dùng cùng lúc hoặc nếu không thì dùng cách nhau 2 giờ. **Acid folic** liều đặc biệt cao (4mg/ ngày, tương ứng > 6 viên nang) có thể giảm tác dụng của các thuốc chống động kinh, chống co giật. Vitamin B6 có thể làm giảm tác dụng của L-Dopa. **Thai kỳ và cho con bú:** Việc sử dụng Pharmaton Matruelle cho phụ nữ có thai hoặc cho con bú nên được quyết định bởi bác sĩ. Cần phòng ngừa quá liều Vitamin D3, do tăng canxi máu kéo dài có thể gây chậm phát triển trí tuệ hoặc thể chất, hẹp eo động mạch chủ, hoặc bệnh vòng mạc ở trẻ em. **Ảnh hưởng lên khả năng lái xe và vận hành máy:** Chưa nghiên cứu về ảnh hưởng của Pharmaton Matruelle lên khả năng lái xe và vận hành máy móc. **Quá liều:** Quá liều iốt có thể gây cường giáp. **Tác dụng phụ:** Rối loạn hệ miễn dịch: Quá mẫn. Rối loạn đường tiêu hóa: Không dung nạp đường tiêu hóa (như khó chịu ở dạ dày, táo bón, tiêu chảy, buồn nôn và nôn). **Sản xuất:** Swiss Caps AG, Husestrasse 35, 9533 Kirchberg, THUY SỸ. **Đóng gói và xuất xứ:** Ginsana S.A Via Mulini, CH-6934 Bioggio, THUY SỸ. **Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nhà phân phối:** Vimedimex Bình Dương. Địa chỉ: 18/L1-2 VSIP II, đường số 3, KCN Việt Nam-Singapore 2, P. Hoà Phú, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 0650.3.815062. Fax: 0650.3.815.063

Số giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký tài liệu thông tin thuốc của Cục QLD-Bộ y tế: XXXX/XX/QLD-TT, ngày xx tháng xx năm xxxx. Ngày xx tháng xx năm xxxx in tài liệu.



TI lệ 1:1, 1:2, 1:3, 1:4, 1:5, 1:10, 1:20, 1:30